

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002017

Trang : 1/3

Môn học: **Tự động hóa công nghiệp (228077) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **27/06/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D4-25**

Số SV có mặt: **41**

Số bài thi: **41**

Số tờ giấy thi: **58**

Cán bộ coi thi 1 <i>Hà Minh Phấn</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị Hằng</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Đỗ Phạm</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Lê Nhật Tuyên</i>
---	--	-------------------------------------	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119060001	TẠ LÊ PHÚC AN	29/03/2001	CCQ1906A		1	<i>AN</i>	7.2	5.5	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120150002	LÊ TUẤN ANH	11/08/2002	CCQ2015A		1	<i>ANH</i>	6.7	3.0	4.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120150001	VÕ ĐỨC ANH	17/08/2002	CCQ2015A		1	<i>ANH</i>	6.4	4.8	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120060056	NGUYỄN TRỌNG ÂN	20/12/2002	CCQ2006B		2	<i>ÂN</i>	7.9	9.0	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120150050	NGUYỄN MINH CUNG	14/08/2002	CCQ2015B		1	<i>CUNG</i>	6.7	3.8	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120150005	LÊ CÔNG DANH	16/04/2002	CCQ2015A		2	<i>DANH</i>	8.7	7.8	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2118060047	PHAN CHUNG DIN	17/11/1999	CCQ1806B		2	<i>DIN</i>	7.5	7.3	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120150006	LÊ HẢI DUY	07/11/2002	CCQ2015A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120150037	VÕ PHƯƠNG ĐÌNH	08/04/2002	CCQ2015B		1	<i>ĐÌNH</i>	6.7	4.0	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120150011	TẠ HUY HÙNG	15/07/1998	CCQ2015A		2	<i>HÙNG</i>	8.8	8.8	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120150051	VÕ THÀNH HUY	05/11/2002	CCQ2015B		2	<i>HUY</i>	7.7	8.3	8.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2118150030	NGUYỄN CHÁNH HƯNG	06/03/2000	CCQ1815A		1	<i>HƯNG</i>	7.3	4.0	5.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120150038	LÊ TRỌNG HỮU	30/11/2002	CCQ2015B		1	<i>HỮU</i>	8.5	9.8	9.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120150012	LÊ TRƯƠNG NHẬT KHA	01/10/2001	CCQ2015A		1	<i>KHA</i>	6.8	4.0	5.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120150015	LÊ QUỐC KHÁNH	09/09/2002	CCQ2015A		2	<i>KHÁNH</i>	8.8	8.3	8.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120150014	NGUYỄN MINH KHÁNH	03/08/2002	CCQ2015A		1	<i>KHÁNH</i>	6.0	2.3	3.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2119060047	HUỶNH MINH KHIÊM	31/05/2001	CCQ1906B		1	<i>KHIÊM</i>	6.7	5.5	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120150017	TRẦN CÔNG MẠNH	06/05/2002	CCQ2015A		1	<i>MẠNH</i>	6.0	4.3	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2118060021	ĐẶNG MINH MÃN	22/11/2000	CCQ1806A		2	<i>MÃN</i>	8.5	9.0	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2118150044	NGUYỄN VĂN MINH	31/08/2000	CCQ1815A		1	<i>MINH</i>	7.7	7.8	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/06/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Tự động hóa công nghiệp (228077) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **27/06/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D4-25**

Mã nhận dạng: 002017

Trang : 2/3

Số SV có mặt: 41

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1 <i>Hà Minh Phước</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị Hồng Thuận</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Đỗ Phạm</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Lê Nhật Thuận</i>
--	--	-------------------------------------	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2118150048	TRƯƠNG KHÁNH NGUYỄN	11/07/2000	CCQ1815A							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120150022	TRẦN HỮU SANG	21/06/2001	CCQ2015A							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120150039	BÙI LƯƠNG VĂN	24/09/2002	CCQ2015B		2	<i>Phúc</i>	6.5	6.8	6.7	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120150052	NGUYỄN ĐẠI	26/06/2001	CCQ2015B		2	<i>Phúc</i>	7.2	4.8	5.7	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120150044	NGUYỄN DUY	19/09/1999	CCQ2015B		1	<i>Quang</i>	6.8	4.3	5.3	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120150045	VÕ MINH	03/01/2002	CCQ2015B		2	<i>Quân</i>	6.5	9.8	8.5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120150024	NGUYỄN NGỌC	11/02/2002	CCQ2015A		2	<i>Ngọc</i>	8.2	8.8	8.5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120150025	NGUYỄN NGỌC	05/02/2002	CCQ2015A		1	<i>Son</i>	8.7	8.8	8.7	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120150026	NGUYỄN VĂN	02/05/2002	CCQ2015A		1	<i>Son</i>	6.5	4.8	5.5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2118060030	TRẦN DUY	18/12/2000	CCQ1806A		1	<i>Son</i>	6.5	4.0	5.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120150027	NGUYỄN MINH	15/08/2002	CCQ2015A		1	<i>Thanh</i>	6.7	4.0	5.1	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120150053	TRẦN ĐÌNH	13/04/2002	CCQ2015B		1	<i>Son</i>	5.9	5.0	5.3	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120150028	LÊ XUÂN	29/08/2001	CCQ2015A		1	<i>Tha</i>	7.5	5.8	6.5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2119060063	NGUYỄN TRUNG	04/01/2001	CCQ1906B		2	<i>Son</i>	5.7	8.3	7.2	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2118060080	NGUYỄN DUY	14/01/2000	CCQ1806B		2	<i>Son</i>	7.5	5.0	6.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120150047	NGUYỄN VĂN	16/08/2002	CCQ2015B		2	<i>Son</i>	8.0	8.0	8.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2118150087	NGUYỄN ANH	07/10/2000	CCQ1815A		1	<i>ly</i>	6.3	4.8	5.4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2120150032	PHẠM HUỖNH ANH	05/05/2002	CCQ2015A		1	<i>Tú</i>	8.2	7.5	7.8	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2120150054	BÙI MINH	01/09/2002	CCQ2015B		2	<i>Quân</i>	8.0	9.0	8.6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2120110033	NGUYỄN HOÀNG	04/10/2002	CCQ2015B		1	<i>Tuân</i>	7.0	6.3	6.6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Tự động hóa công nghiệp (228077) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **27/06/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **D4-25**

Mã nhận dạng: 002017

Trang : 3/3

Số SV có mặt: 4/4
Số bài thi: 4/4
Số tờ giấy thi: 5/8

Cán bộ coi thi 1 <i>Hà Minh Phước</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Huyền</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Đỗ Phạm</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>
--	----------------------------------	-------------------------------------	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2120150033	HỒ ĐỨC VINH	10/03/2002	CCQ2015A		1	<i>Vinh</i>	6.0	4.3	5.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	2120150034	HUỖNH HOÀNG VINH	10/04/2002	CCQ2015A		1	<i>Vinh</i>	7.5	3.8	5.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	2117060092	LÊ QUỐC VŨ	29/07/1999	CCQ1706B		2	<i>Quo</i>	8.3	9.3	8.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	2120150035	TRẦN QUỐC VŨ	20/06/2002	CCQ2015A		2	<i>Quo</i>	7.3	4.8	5.8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	2118060086	BÙI VĂN VỸ	07/12/1999	CCQ1806B							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)